

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM

ThS NGUYỄN THỊ THU HÀ

Học viện Hành chính Quốc gia

1. Vài nét về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Ở nước ta, từ khi *Luật Doanh nghiệp* ra đời (năm 1999), khu vực kinh tế tư nhân đã có sự phát triển mạnh mẽ. Hơn 120.000 doanh nghiệp tư nhân (DNTN) được đăng ký chính thức kể từ năm 2000 đến năm 2005, tăng gấp 6 lần so với 9 năm trước khi *Luật Doanh nghiệp* ra đời. Kinh tế tư nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, chiếm tỉ trọng khá cao trong GDP. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là sự thành công của thành phần kinh tế này chỉ tập trung ở một số tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong số 64 tỉnh, thành phố, hiện có 11 tỉnh, thành phố, chiếm tới 60% sự tăng trưởng của các DNTN và chiếm hơn 70% mức đầu tư và doanh thu của khu vực kinh tế tư nhân¹. Câu hỏi đặt ra là: tại sao lại có sự chênh lệch, khác biệt như vậy? Phải chăng môi trường kinh doanh ở các tỉnh, thành phố này có sự khác nhau, vì vậy khả năng thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư tư nhân có sự khác biệt giữa các tỉnh, thành phố. Để trả lời cho câu hỏi này những năm gần đây, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), phối hợp cùng Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (VNCI) tiến hành khảo sát, tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh ở Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra chỉ số năng lực cạnh tranh của các tỉnh, thành phố.

Theo nghiên cứu, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được hiểu là chỉ số nhằm đánh giá và xếp hạng các tỉnh, thành phố căn cứ vào chính sách phát triển khu

vực kinh tế tư nhân của tỉnh, thành phố đó.

Việc đánh giá PCI được dựa trên 10 chỉ số cấu thành (CSCT):

- *Chi phí gia nhập thị trường*: đo lường chi phí một doanh nghiệp cần để đăng kí kinh doanh, xin cấp đất và nhận được mọi loại giấy phép, thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để bắt đầu tiến hành hoạt động kinh doanh.

- *Đất đai và mặt bằng kinh doanh*: đo lường khả năng tiếp cận đất đai và mặt bằng cho kinh doanh. Các tiêu chí để tính toán, bao gồm tình trạng doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không? Có đủ mặt bằng để mở rộng kinh doanh hay không?

- *Tinh minh bạch và trách nhiệm*: đo lường khả năng doanh nghiệp có thể tiếp cận được các kế hoạch của tỉnh và các văn bản pháp luật cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình, tính sẵn có của các văn bản này, mức độ phổ biến trang web của tỉnh và việc tham khảo ý kiến các doanh nghiệp khi xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan...

- *Chi phí về thời gian và việc thực hiện các quy định của Nhà nước*: đo lường thời gian mà các doanh nghiệp phải bỏ ra khi chấp hành các thủ tục hành chính cũng như thời gian mà các doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động kinh doanh để các cơ quan pháp luật của tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- *Chi phí không chính thức*: đo lường mức chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và những trở ngại do những

chi phí này gây nên cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Thực hiện chính sách của trung ương:* đo lường sự phối hợp giữa trung ương và chính quyền cấp tỉnh cũng như việc thực thi các chính sách trung ương của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

- *Mức độ khó khăn khi thành lập doanh nghiệp:* đo lường mức độ khó khăn mà các doanh nghiệp gặp phải khi tiến hành thành lập doanh nghiệp.

- *Ưu đãi đối với doanh nghiệp:* đo lường mức độ ưu đãi của chính quyền cấp tỉnh đối với các doanh nghiệp (vấn đề tiếp cận nguồn vốn...) Hiện nay, nhìn chung khối các DNTN còn khá thua thiệt trong việc hưởng các ưu đãi. Tỷ trọng vốn vay ưu đãi của khối này chỉ chiếm 29,3% (so với 70,7% của doanh nghiệp nhà nước). Số lượng dự án DNTN được thuê đất nhiều gấp 3,1 lần doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nhưng diện tích lại ít hơn 1,7 lần so với khối này. Điều đó dẫn tới một bức xúc dai dẳng là DNTN vẫn phải thuê lại đất của DNNN. Thống kê cho thấy, năm 2001 có 206 ha đất của DNNN không sử dụng hết đem cho thuê thì đến năm 2004, con số này là 457 ha và số lượng các DNTN phải đi thuê đất tăng gấp đôi năm 2001².

- *Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh:* đo lường tính sáng tạo, năng động của lãnh đạo cấp tỉnh trong quá trình thực thi chính sách của trung ương cũng như trong việc đưa ra những sáng kiến nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- *Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân:* đo lường chất lượng và hiệu quả của chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân của chính quyền cấp tỉnh, bao gồm việc cung cấp thông tin pháp luật cho các doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác kinh doanh và khả năng đào tạo, nâng cao chất lượng lao động của tỉnh³.

Dựa trên các CSCT nói trên, từ năm 2005 đến nay, VCCI đã tiến hành đánh giá

PCI. Năm 2005, PCI ở nước ta mới có 42 tỉnh, thành phố tham gia, năm 2006 có 64 tỉnh, thành phố tham gia với 6.300 doanh nghiệp dân doanh tham gia trả lời các câu hỏi điều tra. Các CSCT PCI năm nay nhiều hơn so với năm 2005 đã phản ánh rõ nét hơn năng lực thu hút và cải thiện môi trường đầu tư giữa chính quyền cấp tỉnh với giới doanh nghiệp vừa và nhỏ⁴. Sự khác biệt về năng lực cạnh tranh của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2006 được xếp theo 5 nhóm:

Nhóm 1: (Nhóm xếp loại tốt) bao gồm những tỉnh có kết quả tốt đối với hầu hết các CSCT, đặc biệt ở những chỉ số quan trọng. Đứng đầu nhóm này trong cả 2 năm (2005-2006) là tỉnh Bình Dương. Xếp thứ hai là Đà Nẵng. Tiếp đó, là các tỉnh Bình Định, Vĩnh Long, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, An Giang. Lào Cai là tỉnh năm đầu tiên được tiến hành điều tra PCI và thuộc nhóm 10 tỉnh, thành đứng đầu bảng xếp hạng. Đây cũng chính là tỉnh đầu tiên trong cả nước có sáng kiến gộp ba thủ tục đăng ký kinh doanh, khắc dấu cấp mã số thuế vào một dấu mới duy nhất và có trang web thiết kế chuyên nghiệp dành cho các nhà đầu tư.

Nhóm 2: (Nhóm xếp loại khá) bao gồm các tỉnh, thành phố có điểm số trên điểm số trung vị là 58,65. Một số tỉnh trong nhóm này thực hiện rất tốt ở nhiều CSCT nhưng lại nghèo nàn ở một hoặc hai CSCT khác. Trong nhóm này, năm 2006, thành phố Hà Nội đã tụt hạng so với năm 2005. Trong 10 CSCT, duy nhất chỉ số về tính minh bạch của Hà Nội được đánh giá cao hơn so với năm 2005, còn lại các chỉ số về tiếp cận đất đai, tính năng động và tiên phong của lãnh đạo thành phố... đều giảm.

Nhóm 3: (Nhóm xếp loại trung bình) bao gồm các tỉnh, thành phố có kết quả rất thấp ở một số lĩnh vực.

Nhóm 4: (Nhóm xếp loại tương đối thấp) bao gồm những tỉnh có những trở ngại đối với việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân ở một số lĩnh vực chủ chốt. Mặc dù vậy, một số tỉnh trong nhóm này cũng có

được những thành công ở một vài CSCT.

Nhóm 5: (Nhóm xếp loại thấp) bao gồm những tỉnh mà DNTN không hài lòng. Điều này được minh chứng qua những câu trả lời của doanh nghiệp trong phiếu điều tra và thể hiện ở những kết quả khá nghèo nàn ở một số CSCT. Nếu như năm 2005, Hà Tây đứng ở cuối bảng xếp hạng thì năm 2006, đã rút ngắn được 2 bậc, xếp vị trí 62/64 tỉnh, thành phố. Lai Châu là địa phương đứng cuối cùng trong bảng xếp hạng này.

2. Một vài nhận xét.

Một là, xét ở một phương diện nào đó, PCI đã đánh giá được hiệu quả hoạt động nói chung của chính quyền cấp tỉnh và hiệu quả quản lý kinh tế nói riêng. Qua PCI, chúng ta có thể đánh giá được tính năng động, linh hoạt cũng như việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Nếu xem xét về điều kiện tự nhiên, có lẽ Bình Dương, Đồng Nai không phải là những tỉnh có sự thuận lợi nhất, nhưng tại sao những tỉnh này luôn dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, về môi trường cạnh tranh. Trong khi đó, có những tỉnh không quá khó khăn về điều kiện tự nhiên nhưng lại thuộc nhóm có chỉ số năng lực cạnh tranh thấp. Đặc biệt, những tỉnh này có CSCT rất thấp về tính linh hoạt, năng động của lãnh đạo tỉnh và chi phí thời gian cùng những chi phí không chính thức.

Hai là, PCI là một cơ sở hữu ích để lãnh đạo các tỉnh, thành phố có thể nhận diện rõ hơn điểm mạnh và điểm yếu của tỉnh mình, từ đó cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân nói riêng và phát triển kinh tế tỉnh nói chung. Những cải cách nhằm tháo gỡ những rào cản gia nhập thị trường, tăng cường tính minh bạch, khuyến khích các nhà lãnh đạo tỉnh năng động, linh hoạt trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp. Ngay đối với những tỉnh thuộc nhóm có chỉ số năng lực cạnh tranh cao như Bình Dương, Đồng Nai... cũng cần

phải có sự điều chỉnh ở một số CSCT chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra để từ đó tạo môi trường thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư không chỉ thuộc thành phần kinh tế tư nhân mà cho cả các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác.

Ba là, PCI giúp cho chính phủ trung ương điều chỉnh chủ trương, biện pháp chỉ đạo quản lý phù hợp hơn, đưa ra những quy định pháp luật cần thiết để từ đó giúp các tỉnh, thành phố có cơ sở, căn cứ thuận lợi hơn trong việc thực hiện, tạo môi trường cạnh tranh, đưa nền kinh tế địa phương phát triển. Mặt khác, PCI cũng là một tài liệu tham khảo tốt đối với các nhà quản lý cấp trung ương để từ đó có thể đánh giá, nhìn nhận điểm mạnh, điểm yếu của từng tỉnh và có những biện pháp hỗ trợ khắc phục.

Bốn là, PCI là một tài liệu tham khảo quý giá đối với các nhà nghiên cứu, nhất là các nhà nghiên cứu kinh tế học.

Với những kết quả ghi nhận bước đầu, chúng tôi cho rằng, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh ở Việt Nam là một cơ sở hữu ích xét trên nhiều phương diện, góc độ. Chỉ khi nào, chúng ta có một môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, thông thoáng thì khi đó kinh tế Việt Nam mới có thể vững bước tiến vào nền kinh tế toàn cầu hoá quốc tế □

Tài liệu tham khảo:

1. *Báo cáo tóm tắt: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh ở Việt Nam* - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam phối hợp thực hiện, H. 2005, tr. 1, 8, 11.

2. Báo Tiền phong - số 84 - thứ năm, ngày 28-4-2005, tr 5.

3. *Điều hành kinh tế cấp tỉnh* - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Quỹ châu Á, Tập 1, H. 2005.

4. *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2006 - Bình Dương tiếp tục dẫn đầu về môi trường kinh doanh*, Báo Sài Gòn giải phóng điện tử, ngày 01-6-2006, tr.2.